TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

**KHOA: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN**

**Học kỳ: I Năm học: 2022-2023**

Họ tên: Lê Chí H MSSV: 4501104066

Lớp: K45CNTT.D Khóa: 45

| **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | | | | **KHUNG ĐIỂM** | **ĐIỂM ĐÁNH GIÁ** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SV** | **LỚP** | **KHOA** | |
| **I.** | **ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA HỌC TẬP *(Tối đa 20 điểm)*** | | | | | | | |
| a | Tinh thần và thái độ trong học tập | | | 0 đến 3 điểm | 3 |  |  | |
|  | - Vào lớp học đúng giờ, tham gia các giờ học đầy đủ | | | 1,5 điểm |  |  |  | |
| - Chuẩn bị bài tốt, ý thức trong giờ học nghiêm túc | | | 1,5 điểm |  |  |  | |
| b | Tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) | | |  |  |  |  | |
|  | - Tham gia các hoạt động học thuật: Hội thảo, tọa đàm, lớp hướng dẫn NCKH, hoạt động khảo sát của Trường… | | | 3 điểm/ hoạt động | 3 |  |  | |
| - Tham gia hoạt động NCKH: Có bài báo khoa học, tham luận được đăng tải trên các tạp chí, tạp san uy tín được công nhận; thực hiện đề tài NCKH, bài viết, bài tham luận tại các hội thảo khoa học… | | | 5 điểm/ nghiên cứu |  |  |  | |
| c | Tham gia các kỳ thi, cuộc thi | | |  | 0 |  |  | |
|  | - Tham gia cổ vũ các kỳ thi, cuộc thi học thuật | | | 1 điểm/hoạt động |  |  |  | |
| - Tham gia các cuộc thi học thuật cấp Khoa (tương đương) | | | 3 điểm/hoạt động |  |  |  | |
| - Tham gia các cuộc thi học thuật cấp Trường (tương đương) | | | 4 điểm/hoạt động |  |  |  | |
| - Tham gia các cuộc thi học thuật cấp Tỉnh/Thành (tương đương) trở lên | | | 5 điểm/hoạt động |  |  |  | |
| d | Kết quả học tập | | | 0 đến 10 điểm | 8 |  |  | |
|  | - Kết quả học tập của học kỳ đạt: | | |  |  |  |  | |
| + Xuất sắc | | | 10 điểm |  |  |  | |
| + Giỏi | | | 8 điểm |  |  |  | |
| + Khá | | | 6 điểm |  |  |  | |
| + Trung bình | | | 5 điểm |  |  |  | |
| + Yếu | | | 3 điểm |  |  |  | |
| + Kém | | | 0 điểm |  |  |  | |
| e | Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập | | | 0 đến 3 điểm | 3 |  |  | |
| f | Khen thưởng – kỷ luật | | |  | 0 |  |  | |
|  | - Khen thưởng sinh viên đạt thành tích học thuật | | |  |  |  |  | |
| + Cấp Khoa (tương đương) | | | 3 điểm/thành tích |  |  |  | |
| + Cấp Trường (tương đương) | | | 4 điểm/thành tích |  |  |  | |
| + Cấp Tỉnh/Thành phố (tương đương) | | | 5 điểm/thành tích |  |  |  | |
| + Cấp Trung ương | | | 6 điểm/thành tích |  |  |  | |
| - Kỷ luật: | | |  |  |  |  | |
| + Không thực hiện các hoạt động hoặc không thực hiện tròn vẹn các bài khảo sát | | | -3 điểm/lần |  |  |  | |
| + Vi phạm quy định các kỳ thi và bị lập biên bản hình thức kỷ luật: | | |  |  |  |  | |
| **Hình thức** | **Lần đầu** | **Lần thứ 2 trở lên** | Điểm trừ được tính tất cả những lần vi phạm và không vượt quá khung 20 điểm |  |  |  |
| Khiển trách | -2 điểm | -4 điểm/lần |  |  |  |
| Cảnh cáo | -3 điểm | -6 điểm/lần |  |  |  |
| Đình chỉ thi | -4 điểm | -8 điểm/lần |  |  |  |
| **II** | **ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH TRONG TRƯỜNG**  ***(Tối đa 25 điểm)*** | | | | | | | |
| a | Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên, các nội quy, quy chế và các quy định trong Trường | | |  |  |  |  | |
|  | - Không vi phạm quy chế, quy định | | | 2 điểm | 2 |  |  | |
| - Vi phạm nội quy học đường (thời gian học tập, không mang thẻ sinh viên,…). | | | -3 điểm | 0 |  |  | |
| -Đăng ký tham gia hoạt động mà không tham gia | | |  | 0 |  |  | |
| + Cấp khoa | | | -3 điểm/ lần |  |  |  | |
| + Cấp Trường | | | -4 điểm/ lần |  |  |  | |
| - Không thực hiện đúng quy định thời hạn các loại hồ sơ, giấy tờ của Trường | | | -3 điểm/ lần | 0 |  |  | |
| - Chấp hành quy định nội trú và ngoại trú KTX | | |  | 6 |  |  | |
| + Chấp hành tốt nội quy, quy định của Ký túc xá | | | 3 điểm |  |  |  | |
| + Chấp hành tốt nội quy, quy định của Khu ngoại trú | | | 3 điểm |  |  |  | |
| - Chấp hành quy định tham gia BHYT | | |  | 2 |  |  | |
| + Tham gia bảo hiểm y tế đúng hạn theo quy định | | | 2 điểm |  |  |  | |
| + Không tham gia BHYT theo quy định | | | -5 điểm |  |  |  | |
| - Vi phạm Quy chế, quy định về công tác sinh viên đến mức phải chịu hình thức kỷ luật (có Quyết định của Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật): | | |  | 0 |  |  | |
| + Khiển trách | | | -5 điểm |  |  |  | |
| + Cảnh cáo | | | -10 điểm |  |  |  | |
| + Đình chỉ học tập 1 năm học | | | Rèn luyện Kém |  |  |  | |
| - Đóng lệ phí, học phí đúng thời gian quy định | | | 3 điểm | 3 |  |  | |
| b | Tham gia Tuần Sinh hoạt công dân – Sinh viên | | | 0 đến 10 điểm | 10 |  |  | |
|  | + Đạt | | | 10 điểm |  |  |  | |
| + Không đạt | | | 0 điểm |  |  |  | |
| c | Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên | | |  | 2 |  |  | |
|  | + Đánh giá đúng tiến độ, thời gian quy định | | | 2 điểm |  |  |  | |
| + Đánh giá chậm tiến độ, sai quy định, không trung thực | | | -3 điểm |  |  |  | |
| + Không đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên | | | Rèn luyện Kém |  |  |  | |
| d | Tham gia sinh hoạt lớp định kỳ | | | 0 đến 5 điểm | 5 |  |  | |
| **III** | **ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI *(Tối đa 20 điểm)*** | | | | | | | |
| a | Tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao | | |  |  |  |  | |
|  | - Thành viên các CLB | | | 3 điểm/CLB |  |  |  | |
| - Tham gia cổ vũ các hoạt động | | | 2 điểm / hoạt động | 4 |  |  | |
| - Tham gia các hoạt động về chính trị, xã hội: | | |  |  |  |  | |
| + Tham gia các hoạt động, các buổi hội nghị, đại hội do Trường, tổ chức Đoàn – Hội tổ chức, triệu tập (Đại hội, Hội nghị, Hội nghị Lớp trưởng, tọa đàm về tình hình thời sự, chính trị…) | | | 4 điểm / hoạt động |  |  |  | |
| + Không tham gia (không có lý do chính đáng khi được triệu tập) | | | -4 điểm / hoạt động |  |  |  | |
| - Tham gia đầy đủ và nghiêm túc các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: | | |  |  |  |  | |
| + Cấp lớp (tương đương) | | | 1 điểm / hoạt động |  |  |  | |
| + Câp khoa (tương đương) | | | 2 điểm / hoạt động |  |  |  | |
| + Cấp Trường (tương đương) | | | 3 điểm / hoạt động |  |  |  | |
| + Cấp Tỉnh/Thành (tương đương) trở lên | | | 4 điểm / hoạt động |  |  |  | |
| b | Tham gia các hoạt động hiến máu, công ích hoặc các hoạt động an sinh xã hội | | | 3 điểm / hoạt động |  |  |  | |
| c | Tham gia tuyên truyền phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội | | | 3 điểm / hoạt động | 3 |  |  | |
| d | Sinh viên được kết nạp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | | | 2 điểm | 2 |  |  | |
| e | Sinh viên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam | | | 3 điểm |  |  |  | |
| f | Khen thưởng sinh viên đạt thành tích hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. | | |  |  |  |  | |
|  | + Cấp khoa (tương đương) | | | 3 điểm / thành tích |  |  |  | |
| + Cấp Trường (tương đương) trở lên | | | 4 điểm / thành tích |  |  |  | |
| + Cấp Tỉnh/Thành phố (tương đương) | | | 5 điểm / thành tích |  |  |  | |
| + Cấp Trung ương | | | 6 điểm / thành tích |  |  |  | |
| **IV** | **ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CÔNG DÂN TRONG QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG *(Tối đa 25 điểm)*** | | | | | | | |
| a | Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng | | | 0 đến 5 điểm | 5 |  |  | |
|  | - Tích cực tìm hiểu và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | | | 2,5 điểm |  |  |  | |
| - Tích cực tham gia hưởng ứng các buổi học tập, triển khai, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | | | 2,5 điểm |  |  |  | |
| b | Tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng | | |  | 3 |  |  | |
|  | Có ý thức và tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng | | | 3 điểm |  |  |  | |
|  | + Cấp lớp (tương đương) | | | 2 điểm/ hoạt động |  |  |  | |
| + Cấp khoa (tương đương) | | | 3 điểm / hoạt động |  |  |  | |
| + Cấp Trường (tương đương) trở lên | | | 4 điểm / hoạt động |  |  |  | |
| c | Khen thưởng sinh viên tham gia các hoạt động vì cộng đồng có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng | | |  |  |  |  | |
|  | + Cấp khoa (tương đương) | | | 3 điểm / thành tích |  |  |  | |
| + Cấp Trường (tương đương) trở lên | | | 4 điểm / thành tích |  |  |  | |
| + Cấp Tỉnh/Thành phố (tương đương) | | | 5 điểm / thành tích |  |  |  | |
| + Cấp Trung ương | | | 6 điểm / thành tích |  |  |  | |
| V | **ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA CÔNG TÁC PHỤ TRÁCH LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC TRONG TRƯỜNG; ĐẠT THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG HỌC TẬP, RÈN LUYỆN (*Tối đa 10 điểm)*** | | | | | | | |
| a | Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, của Trường | | | 3 điểm | 3 | 3 |  | |
| b | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên giữ một trong các chức vụ sau *(đối với sinh viên đảm nhiệm nhiều chức vụ thì chọn chức vụ cao nhất)* | | |  |  |  |  | |
|  | - Ban cán sự lớp; Ban Chấp hành (BCH) chi đoàn – chi hội; ủy viên BCH Đoàn khoa - Liên Chi hội Sinh viên khoa; Ban chủ nhiệm các CLB-Đ-N; thành viên Ban tự quản KTX | | |  |  |  |  | |
| + Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ | | | 3 điểm |  |  |  | |
| + Hoàn thành Tốt nhiệm vụ | | | 2 điểm |  |  |  | |
| + Hoàn thành nhiệm vụ | | | 1 điểm |  |  |  | |
| + Không hoàn thành nhiệm vụ | | | -3 điểm |  |  |  | |
| - Bí thư, phó Bí thư Đoàn khoa; Liên chi hội trưởng, liên chi hội phó; ủy viên BCH Đoàn Trường – Hội Sinh viên Trường; Chủ nhiệm, phó Chủ nhiệm CLB-Đ-N; Trưởng, Phó Ban tự quản KTX | | |  |  |  |  | |
| + Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ | | | 4 điểm |  |  |  | |
| + Hoàn thành Tốt nhiệm vụ | | | 3 điểm |  |  |  | |
| + Hoàn thành nhiệm vụ | | | 2 điểm |  |  |  | |
| + Không hoàn thành nhiệm vụ | | | -5 điểm |  |  |  | |
| - Ủy viên Thường vụ Đoàn Trường – Ban Thư ký Hội Sinh viên Trường; Chi ủy viên Chi bộ Sinh viên | | |  |  |  |  | |
| + Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ | | | 4 điểm |  |  |  | |
| + Hoàn thành Tốt nhiệm vụ | | | 3 điểm |  |  |  | |
|  | + Hoàn thành nhiệm vụ | | | 2 điểm |  |  |  | |
| + Không hoàn thành nhiệm vụ | | | -5 điểm |  |  |  | |
| c | Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (chỉ tính mức khen thưởng cao nhất cho 01 nội dung) | | |  |  |  |  | |
|  | - Khen thưởng cấp Trường | | |  |  |  |  | |
| + Danh hiệu “Sinh viên 5 Tốt” | | | 4 điểm |  |  |  | |
| + Danh hiệu “Thanh niên tiêu biểu làm theo lời Bác” | | | 4 điểm |  |  |  | |
| + Danh hiệu “Cán bộ Đoàn - Hội xuất sắc”, giấy khen hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội. | | | 4 điểm |  |  |  | |
| - Khen thưởng cấp Tỉnh, Thành phố (tương đương) | | |  |  |  |  | |
| + Đanh hiệu “Sinh viên 5 Tốt” | | | 5 điểm |  |  |  | |
| + Đạt giải I, II, III Giải thưởng NCKH cấp Thành | | | 5 điểm |  |  |  | |
| + Giấy khen của Thành Đoàn - Hội Sinh viên Thành phố về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn - Hội (cá nhân) | | | 5 điểm |  |  |  | |
| + Các hình thức khen thưởng tương đương khác (do Hội đồng rèn luyện cấp Trường công nhận) | | | 5 điểm |  |  |  | |
| - Khen thưởng cấp Trung ương (tương đương) | | |  |  |  |  | |
| + Danh hiệu “Sinh viên 5 Tốt” | | | 7 điểm |  |  |  | |
| + Danh hiệu “Sao Tháng Giêng” | | | 7 điểm |  |  |  | |
| + Đạt giải I, II, III Giải thưởng NCKH cấp Bộ | | | 7 điểm |  |  |  | |
| + Đạt giải Khuyến khích Giải thưởng NCKH cấp Bộ | | | 6 điểm |  |  |  | |
| + Bằng khen của Trung ương Đoàn – Trung ương Hội về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân) | | | 6 điểm |  |  |  | |
| + Bằng khen cấp Trung ương vì có thành tích xuất sắc trong công tác xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, hoạt động tình nguyện vì cộng đồng | | | 6 điểm |  |  |  | |
| + Các hình thức khen thưởng tương đương khác (do Hội đồng rèn luyện cấp Trường công nhận) | | | 6 điểm |  |  |  | |
| **TỔNG CỘNG:67** | | | | |  |  |  | |
| **ĐẠT LOẠI RÈN LUYỆN: XUẤT SẮC  TỐT  KHÁ  TB 🗹 YẾU  KÉM ** | | | | | | | | |

*TP.Hồ Chí Minh, ngày….. tháng 03 năm 2023*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CỐ VẤN HỌC TẬP**  (Kí và ghi rõ họ tên) | **LỚP TRƯỞNG** (Kí và ghi rõ họ tên) | **TM. BCH CHI ĐOÀN**  (Kí và ghi rõ họ tên) | **SINH VIÊN**  (Kí và ghi rõ họ tên) |
| *Đã kí*  **Nguyễn Đỗ Thái Nguyên** | **Ngô Nguyễn Thanh Tâm** | **Lê Thị Thanh Huyền** | **Lê Chí Hải** |